

Lịch ngày làm việc cho năm 2022. (Tonga)

TIMESLES.COM

Tháng 1

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
52						1	2
01	3	4	5	6	7	8	9
02	10	11	12	13	14	15	16
03	17	18	19	20	21	22	23
04	24	25	26	27	28	29	30
05	31						

Tháng 2

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
05		1	2	3	4	5	6
06	7	8	9	10	11	12	13
07	14	15	16	17	18	19	20
08	21	22	23	24	25	26	27
09	28						

Tháng 3

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
09		1	2	3	4	5	6
10	7	8	9	10	11	12	13
11	14	15	16	17	18	19	20
12	21	22	23	24	25	26	27
13	28	29	30	31			

Tháng 4

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
13					1	2	3
14	4	5	6	7	8	9	10
15	11	12	13	14	15	16	17
16	18	19	20	21	22	23	24
17	25	26	27	28	29	30	

Tháng 5

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
17							1
18	2	3	4	5	6	7	8
19	9	10	11	12	13	14	15
20	16	17	18	19	20	21	22
21	23	24	25	26	27	28	29
22	30	31					

Tháng 6

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
22			1	2	3	4	5
23	6	7	8	9	10	11	12
24	13	14	15	16	17	18	19
25	20	21	22	23	24	25	26
26	27	28	29	30			

Tháng 7

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
26					1	2	3
27	4	5	6	7	8	9	10
28	11	12	13	14	15	16	17
29	18	19	20	21	22	23	24
30	25	26	27	28	29	30	31

Tháng 8

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
31	1	2	3	4	5	6	7
32	8	9	10	11	12	13	14
33	15	16	17	18	19	20	21
34	22	23	24	25	26	27	28
35	29	30	31				

Tháng 9

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
35				1	2	3	4
36	5	6	7	8	9	10	11
37	12	13	14	15	16	17	18
38	19	20	21	22	23	24	25
39	26	27	28	29	30		

Tháng 10

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
39						1	2
40	3	4	5	6	7	8	9
41	10	11	12	13	14	15	16
42	17	18	19	20	21	22	23
43	24	25	26	27	28	29	30
44	31						

Tháng 11

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
44		1	2	3	4	5	6
45	7	8	9	10	11	12	13
46	14	15	16	17	18	19	20
47	21	22	23	24	25	26	27
48	28	29	30				

Tháng 12

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
48				1	2	3	4
49	5	6	7	8	9	10	11
50	12	13	14	15	16	17	18
51	19	20	21	22	23	24	25
52	26	27	28	29	30	31	

Giai đoạn	Số ngày			Giờ làm việc mỗi tuần		
	Lịch ngày	Ngày làm việc	Ngày nghỉ	40 giờ tuần	36 giờ tuần	24 giờ tuần
Tháng 1	31	21	10	168	151.2	100.8
Tháng 2	28	20	8	160	144	96
Tháng 3	31	23	8	184	165.6	110.4
Tháng 4	30	18	12	144	129.6	86.4
Tháng 5	31	22	9	176	158.4	105.6
Tháng 6	30	21	9	168	151.2	100.8
Tháng 7	31	20	11	160	144	96
Tháng 8	31	23	8	184	165.6	110.4
Tháng 9	30	22	8	176	158.4	105.6
Tháng 10	31	21	10	168	151.2	100.8
Tháng 11	30	20	10	160	144	96
Tháng 12	31	19	12	152	136.8	91.2
1 phần tư	90	64	26	512	460.8	307.2
2 phần tư	91	61	30	488	439.2	292.8
1 nửa năm	181	125	56	1000	900	600
3 phần tư	92	65	27	520	468	312
4 phần tư	92	60	32	480	432	288
2 nửa năm	184	125	59	1000	900	600
1 năm	365	250	115	2000	1800	1200

1 thg 1, 2022	Ngày đầu năm	4 thg 11, 2022	Ngày hiến pháp
15 thg 4, 2022	Thứ sáu tốt lành	7 thg 11, 2022	Ngày nghỉ cho Ngày Hiến pháp
18 thg 4, 2022	Thứ Hai Phục Sinh	4 thg 12, 2022	Kỷ niệm ngày đăng quang của Vua Tupou I
25 thg 4, 2022	Ngày Anzac	5 thg 12, 2022	Ngày nghỉ cho Lễ kỷ niệm ngày đăng quang của Vua Tupou I
4 thg 6, 2022	Ngày giải phóng	25 thg 12, 2022	ngày Giáng Sinh
6 thg 6, 2022	Ngày nghỉ cho Ngày giải phóng	26 thg 12, 2022	Nghỉ ngày giáng sinh
4 thg 7, 2022	Ngày sinh của Vua Tupou VI	26 thg 12, 2022	Ngày tặng quà
17 thg 9, 2022	Sinh nhật của Thái tử Tupouto'a-Ulukai	27 thg 12, 2022	Ngày nghỉ cho Ngày tặng quà